

Số: /BC-SKHCCN

Quảng Trị, ngày tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính Quý III và kế hoạch công tác Quý IV năm 2023**

Thực hiện Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Công văn số 223/SNV-CCHCVTLT ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công quý III năm 2023 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.**

Năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-SKHCCN ngày 10/01/2023 về ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của Sở; Kế hoạch số 05/KH-SKHCCN ngày 13/01/2023 về kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, đề ra các mục tiêu cần đạt được và phân công trách nhiệm đối với từng Lãnh đạo Sở và các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc tổ chức thực hiện; trong đó đã xác định 37 nhiệm vụ thuộc 06 lĩnh vực đạt chất lượng và hiệu quả. Tính đến ngày 15/9/2023, 31/37 nhiệm vụ đề ra trong năm đã hoàn thành đúng tiến độ, các nhiệm vụ khác được triển khai đúng kế hoạch.

Lãnh đạo Sở chỉ đạo thường xuyên, theo dõi, nắm bắt tình hình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) tại các phòng, đơn vị thuộc Sở, kịp thời đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện tốt công tác CCHC, đưa ra các giải pháp khắc phục những điểm chưa đạt, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong mỗi công chức, viên chức và người lao động nhất là người đứng đầu các phòng, đơn vị đưa công tác CCHC thực sự hiệu quả, đúng trọng tâm và định hướng. Tập trung chỉ đạo các phòng, đơn vị tăng cường nâng cao công tác chất lượng quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công; duy trì và củng cố các chỉ số liên quan đến công tác CCHC gồm chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công PAPI, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS. Đã ban hành Kế hoạch triển khai

thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/BCSD của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 (*Kế hoạch số 72/KH-SKHCN ngày 11/8/2023*); Kế hoạch khắc phục tồn tại nhiệm vụ CCHC 6 tháng cuối năm 2023 (*Kế hoạch số 73/KH-SKHCN ngày 24/8/2023*); Quyết định về việc kiện toàn Tổ giúp việc cho Giám đốc Sở trong việc kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ (*Quyết định số 177/KH-SKHCN ngày 07/7/2023*).

Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được Ban Giám đốc Sở quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ và thường xuyên. Đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nhiều hình thức, nội dung phong phú như lồng ghép, phổ biến quán triệt thông qua các buổi Hội nghị, giao ban hàng tháng, sinh hoạt Chi bộ. Đã ban hành các văn bản đôn đốc, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính: Công văn về việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh (*Công văn số 527/SKHCN-VP ngày 22/6/2023*); Công văn về việc kiểm tra, rà soát danh mục dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh (*Công văn số 590/SKHCN-VP ngày 29/6/2023*); Công văn về việc nâng cao chất lượng trong cải cách TTHC (*Công văn số 621/SKHCN-VP ngày 10/7/2023*); Công văn về việc rà soát dịch vụ công toàn trình và đăng ký DVCTT thí điểm triển khai tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hoàn toàn trên môi trường mạng (*Công văn số 666/SKHCN-VP ngày 18/7/2023*); Công văn về việc triển khai thực hiện Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ (*Công văn số 729/SKHCN-VP ngày 07/8/2023*); Công văn về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND tỉnh (*Công văn số 736/SKHCN-VP ngày 07/8/2023*); Công văn về việc triển khai các nội dung cam kết duy trì, nâng cao chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI năm 2023 (*Công văn số 745/SKHCN-VP ngày 09/8/2023*); Công văn về việc triển Thông báo số 368/TB-VP ngày 13/7/2023 về nội dung cuộc họp giao ban 6 tháng đầu năm 2023 về công tác tiếp nhận, trả kết quả TTHC (*Công văn số 773/SKHCN-VP ngày 18/8/2023*); Công văn về việc Thông báo số 304/TB-VPCP ngày 19/7/2023 của Văn phòng Chính phủ (*Công văn số 774/SKHCN-VP ngày 21/8/2023*); Công văn về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị (DTI) (*Công văn số 777/SKHCN-VP ngày 21/8/2023*); Công văn về việc thực hiện Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về sơ kết công tác

CCHC 6 tháng đầu năm và triển khai phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 (Công văn số 855/SKHHCN-VP ngày 12/9/2023);

Triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023, Lãnh đạo Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện: Công văn về việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu dân cư (Công văn số 789/SKHHCN-VP ngày 23/08/2023); Công văn về việc thống kê thủ tục hành chính có khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Công văn số 817/SKHHCN ngày 25/08/2023); Công văn về việc thực hiện Thông báo số 175/TB-UBND tỉnh ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh (Công văn số 846/SKHHCN ngày 08/9/2023)...

Đã ban hành Quyết định số 245/QĐ-SKHHCN ngày 07/09/2023 Quyết định thành lập Tổ Kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023.

Năm 2023, từ ngày 01/01/2023 đến 15/9/2023, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ 118 nhiệm vụ, đã hoàn thành 105 nhiệm vụ, đang thực hiện 13 nhiệm vụ.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật**

Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch: Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, kiểm, tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm 2023 để thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 theo kế hoạch đề ra.

Trong quý III, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện các quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Công văn số 689/SKHHCN-Ttra ngày 24/7/2023 về việc tham gia ý kiến bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Trị; Công văn số 781/SKHHCN-TTra ngày 22/8/2023 về việc thẩm định dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 246/KH-HĐND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về Kế hoạch tổ chức kỳ họp thứ 20 HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh lấy ý kiến góp ý các Sở, Ban ngành trên địa bàn tỉnh (Công văn số 838/SKHHCN-TTra); gửi Sở Tư pháp thẩm định,

đề nghị UBND tỉnh trình bổ sung xây dựng 01 Nghị quyết thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ (*Công văn số 859/SKH-CN-TTra ngày 12/9/2023*);

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng tiếp tục được triển khai thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, sinh hoạt Chi bộ định kỳ, giao ban công tác và trong các buổi sinh hoạt chào cờ tuần đầu tháng; thường xuyên cập nhật các văn bản về phòng chống tham nhũng trên Cổng Thông tin điện tử của Sở. Sở đã ban hành các văn bản: Công văn về việc tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu kết quả pháp điển (*Công văn số 726/SKH-CN-TTra ngày 04/8/2023*); Công văn về việc kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia (*Công văn số 721/SKH-CN-TĐC ngày 04/8/2023*); Công văn về việc triển khai phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Công văn số 764/SKH-CN-VP ngày 16/8/2023*); Công văn về việc triển khai thực hiện các nghị quyết kỳ họp thứ 18 và kỳ họp thứ 19 HĐND tỉnh khóa VIII (*Công văn số 793/SKH-CN-VP ngày 24/8/2023*); Thông báo áp dụng Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (*Thông báo số 48/TB-SKH-CN ngày 28/8/2023*)....

## **2. Cải cách thủ tục hành chính.**

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2023, Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023.

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 20/6/2023*);

Đã tham mưu UBND tỉnh xem xét thẩm định, trình phê duyệt công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Tờ trình số 59/TTr-SKH-CN ngày 09/8/2023*); Tờ trình về việc thẩm định, trình phê duyệt công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Tờ trình số 65/TTr-SKH-CN ngày 08/9/2023*);

Sở thường xuyên công khai, niêm yết Bộ thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Sở khi có thay đổi. Các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở được cập nhật kịp thời trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị, được thực hiện tại Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở.

Số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông/tổng số thủ tục hành chính là 47/47. Số lượng thủ tục hành chính Sở tiếp

nhận từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/9/2023 là 20 hồ sơ, trong đó, hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến là 05 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 15 hồ sơ, từ kỳ trước chuyển qua: 04 hồ sơ. Kết quả: Đang giải quyết 07 hồ sơ (chưa đến hạn); đã giải quyết 17 hồ sơ trước hạn, không có hồ sơ quá hạn. Tỷ lệ hồ sơ trả trước hạn đạt 100%.

Quý II/2023, Sở không nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

Tiếp tục đã rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định Nghị định 107/NĐ-CP đảm bảo sắp xếp lại tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các phòng, đơn vị phù hợp với quy định về quản lý, sử dụng công chức, viên chức.

Đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (*Quyết định số 138/QĐ-SKHHCN ngày 14/6/2023*); Quyết định ban hành quy chế làm việc của Sở KH&CN (*Quyết định số 139/QĐ-SKHHCN ngày 14/6/2023*);

### **4. Cải cách chế độ công vụ.**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn thuộc Sở, Lãnh đạo Sở đã bố trí, sắp xếp con người một cách hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc cử phụ trách Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo (*Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 23/8/2023*); Đã tiếp nhận vào công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý: Quyết định về việc bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức (*Quyết định số 179/QĐ-SKHHCN ngày 10/7/2023*); Quyết định về việc điều động 03 công chức (*Quyết định số 181/QĐ-SKHHCN ngày 11/7/2023*; *Quyết định số 182/QĐ-SKHHCN ngày 11/7/2023*; *Quyết định số 202/QĐ-SKHHCN ngày 05/8/2023*);

Thực hiện tuyển dụng 03 viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp cho 02 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở (*Quyết định số 237/QĐ-SKHHCN ngày 05/9/2023*; *Quyết định số 238/QĐ-SKHHCN ngày 05/9/2023*; *Quyết định số 238/QĐ-SKHHCN ngày 05/9/2023*).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ tiếp tục được quan tâm, quý 3/2023 đã cử 02 công chức tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ cho công chức, viên chức làm việc bộ phận một cửa (*Quyết định số 142/QĐ-SKHHCN ngày 21/6/2023*); cử 01 công chức tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý

cho cán bộ, công chức, viên chức nữ (*Quyết định số 145/QĐ-SKHHCN ngày 21/6/2023*);

Thực hiện các đầy đủ chế độ, chính sách đối với CC, VC, người lao động, cụ thể: Nâng lương trước thời hạn cho 04 công chức, viên chức (*Quyết định số 190/QĐ-SKHHCN ngày 14/7/2023; Quyết định số 191/QĐ-SKHHCN ngày 14/7/2023; Quyết định số 192/QĐ-SKHHCN ngày 14/7/2023; Quyết định số 193/QĐ-SKHHCN ngày 17/7/2023*);

Thực hiện thông báo nghỉ hưu để hưởng bảo hiểm xã hội 01 công chức (*Quyết định số 183/QĐ-SKHHCN ngày 11/7/2023*);

Đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Sở gửi Sở Nội vụ thẩm định (*Tờ trình số 54/TTr-SKHHCN ngày 24/7/2023*);

Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức tại Sở: Toàn thể CCVC và người lao động của Sở chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Sở; tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ; chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc tại cơ quan; thực hiện việc đeo thẻ công chức, viên chức khi làm việc; ứng xử hòa nhã, đúng mực với tổ chức, công dân.

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 207/QĐ-SKHHCN ngày 26/6/2018 của Giám đốc Sở KH&CN về việc ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, xem đây là tiêu chí để đánh giá thi đua khen thưởng, bình xét, xếp loại đảng viên, công chức, viên chức cuối năm.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở để nâng cao chất lượng và thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở thực hiện tốt các nguyên tắc thực hiện văn hoá công sở, phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hoá nền hành chính nhà nước; bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Trong quý III năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ không có trường hợp công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật.

#### **5. Cải cách tài chính công.**

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí cơ quan quản lý hành chính, thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, ngân sách tại Sở: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc phân bổ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng, dự án sản xuất thử nghiệm năm 2023 (*Quyết định số*

2077/QĐ-UBND ngày 08/9/2023); Sở đã ban hành Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 167/QĐ-SKHCN ngày 30/06/2023*);

Sở và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, để trang cấp thiết bị cho công chức, viên chức đảm bảo phục vụ công việc, Sở đã đăng ký mua sắm tập trung theo hướng dẫn của Sở Tài chính. Thực hiện việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng về tài sản công của Nhà nước đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khai thác và sử dụng tài sản đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát. Việc quản lý, sử dụng các tài sản được thực hiện công khai, minh bạch, theo dõi, hạch toán đầy đủ về mặt hiện vật và giá trị theo quy định của Nhà nước.

#### **6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 25/KH-SKHCN ngày 28/02/2023 về triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023, việc khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác được tiến hành thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức. Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Hệ thống thư điện tử, hồ sơ công việc được triển khai thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công việc.

-100% cán bộ công chức đã sử dụng địa chỉ email công vụ để phục vụ giao dịch trong công tác, Hệ thống quản lý văn bản, hệ thống làm việc qua môi trường mạng của tỉnh. Nâng cao chất lượng việc vận hành hệ thống điều hành nội bộ và triển khai áp dụng. Thực hiện nghiêm túc quy định của tỉnh về việc gửi và nhận văn bản đi, đến qua mạng hồ sơ công việc của tỉnh. Tất cả hồ sơ thủ tục hành chính đều xử lý thông qua mạng internet, đạt 100%. Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử đạt 100%. Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 100%; tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi trả kết quả đạt 100%.

Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4: quý III năm 2023 phối hợp xây dựng danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ gửi UBND tỉnh phê duyệt, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp 47 dịch vụ công trực tuyến, trong đó DVC trực tuyến toàn trình 12 thủ tục, DVC trực tuyến một phần 35 thủ tục; đăng ký thí điểm DVCTT toàn trình thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường mạng đối với 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Sau khi rà soát, Sở Khoa học và

Công nghệ đăng ký 07 TTHC thực hiện dịch vụ công một phần lên dịch vụ công toàn trình (*Công văn số 666/SKHCN-VP ngày 19/7/2023*).

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG DUY TRÌ VÀ CƯỜNG CỐ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 07/KH-SKHCN ngày 19/01/2023 về Duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023.

#### **1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở**

Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ số PAPI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh; Gắn việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính của ngành và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia thực hiện theo quy định.

#### **2. Công khai minh bạch**

Sở thực hiện tốt Quy chế tiếp công dân, Sở thường xuyên đăng tải công khai các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thủ tục hành chính của Sở trên Cổng Thông tin điện tử KH&CN để người dân dễ dàng tiếp cận, trong đó có các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, công tác tuyển dụng. Cập nhật thường xuyên các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN.

#### **3. Trách nhiệm giải trình với người dân**

Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực KH&CN trên Cổng Thông tin điện tử của Sở. Thực hiện tốt Quy chế tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công chức, viên chức và của tổ chức, công dân kịp thời, đúng thẩm quyền. Quý 3 năm 2023 Sở không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoặc đơn kiến nghị, phản ánh nào.

#### **4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng để công chức, viên chức biết thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại đơn vị.

#### **5. Thủ tục hành chính công**

Đã tổ chức triển khai thực hiện một cửa, một cửa liên thông điện tử về cung ứng các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Sở quản lý. 100% các dịch vụ công được thực hiện qua Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Sở thực hiện nghiêm túc công tác niêm yết, công khai minh bạch tất cả các thủ tục hành chính về quy trình, hồ sơ, thời gian giải quyết, lệ phí... để người dân và doanh nghiệp biết, theo



đổi và thực hiện giám sát trên Cổng thông tin điện tử của Sở và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử của Sở. Thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN.

#### **6. Cung ứng dịch vụ công**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến theo quy định.

#### **7. Quản trị môi trường**

Thường xuyên đưa lên Cổng Thông tin điện tử KH&CN các quy định về bảo vệ môi trường để tuyên truyền và khuyến khích toàn thể CCVC và người lao động trồng và chăm sóc cây xanh để bảo vệ môi trường xung quanh cơ quan, đơn vị.

#### **8. Quản trị điện tử**

Cổng Thông tin điện tử KH&CN thực hiện theo quy định tại điều 28 Luật CNTT, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và đã đăng tải công khai kịp thời các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng, tại địa chỉ <http://sokhcn.quangtri.gov.vn> để các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân dễ dàng tiếp cận, trong đó có các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, công tác tuyển dụng,... Cập nhật thường xuyên các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN tại địa chỉ <http://dostquangtri.gov.vn> và <https://sokhcn.quangtri.gov.vn>.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Thuận lợi.**

Công tác cải cách hành chính của Sở được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực, phát huy được tính dân chủ, minh bạch, trách nhiệm trong đội ngũ công chức, viên chức; sự phối hợp giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở được tăng cường và triển khai chặt chẽ, kịp thời. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, của Sở, các phòng, đơn vị đã tích cực tham mưu triển khai thực hiện, đưa công tác CCHC đi vào nề nếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đã mang lại nhiều kết quả tích cực, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính.

## **2. Khó khăn**

Đối với việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công hiện chưa được người dân và doanh nghiệp quan tâm thực hiện vì việc thanh toán phí, lệ phí qua Cổng dịch vụ công quốc gia vẫn còn khó khăn cho cơ quan quản lý cũng như người dân, doanh nghiệp.

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023.**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị.

- Hoàn thành việc rà soát các thủ tục hành chính trình UBND tỉnh công bố, xây dựng kế hoạch đơn giản giảm thiểu TTHC năm 2023 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện kế hoạch Kiểm tra cải cách hành chính các phòng, đơn vị thuộc Sở.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Sở. Thường xuyên tuyên truyền về CCHC, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền CCHC, đưa thông tin tuyên truyền đến với người dân, tổ chức.

- Nâng cao hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nâng cao chất lượng phục vụ và tạo điều kiện tốt nhất cho cá nhân, tổ chức khi tham gia TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan như: Niêm yết, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, TT&TT, KH&ĐT;
- GD sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở ;
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Thắng**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH**  
**HÀNH CHÍNH**  
**CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 122/BC-SKHCHN ngày 15/9/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị)*

**Biểu mẫu 1 Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	

<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> ( <i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i> )	<b>Văn bản</b>	14	
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> ( <i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	<b>%</b>	83%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	37	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	31	
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	118	Cả năm
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	99	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	06	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu thống kê</b>	<b>Kết quả thống kê</b>	<b>Ghi chú</b>
------------	--------------------------	-------------------------	----------------

	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do địa phương ban hành</b>	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

ST T	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	47	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	47	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	20	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	20	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	0
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	0

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	0	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	02	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	02	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	33	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	30	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	02	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	64	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	56	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	03	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp	Người	0	



	huyện bị kỷ luật.			
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	1,34	
1.1.	Được giao	Triệu đồng	8.326	Đến 15/9/2023
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.786,875	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i></b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	02	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	01	

2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	

<b>5.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	35	
6.4.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	35	
6.4.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	12	

6.5.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	19	
6.5.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
6.6.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	47	
6.6.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	47	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	35,08	
6.7.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	24	
6.7.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	05	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	12	
6.8.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	12	